

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2024
“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tâm và ông Lê Đức Thụy.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 703/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 593/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Trúc P**, sinh năm 1984; địa chỉ: **A tổ B ấp A, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; vắng mặt;

- Bị đơn: Ông **Lê Thành P1**, sinh năm 1979; địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Võ Thị T P** trình bày, bà và ông **Lê Thành P1** do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2020, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nên thường hay cự cãi, cả hai cố gắng hàn tình cảm nhiều lần nhưng không được, hiện vợ chồng không còn chung sống từ tháng 01/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Thành P1**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Phước Minh Đ**, sinh ngày 25/3/2021. Hiện nay bà **P** đang chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông **Lê Thành P1** vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà **P**: sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của cháu **Lê Phước Minh Đ**, căn cước công dân của bà **P**, chứng minh nhân dân của ông **P1**, giấy chứng nhận kết hôn, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Bà **Võ Thị Trúc P** có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Lê Thành P1** vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do ông **P1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Bà **Võ Thị Trúc P** đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Lê Thành P1** vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà **Võ Thị Trúc P** và ông **Lê Thành P1**, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà **P**, ông **P1** có mâu thuẫn do ông **P1** không quan tâm chăm lo cho vợ, con; quá trình giải quyết vụ án ông cũng không có mặt để có ý hàn gắn hôn nhân, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **P** đối với ông **P1**.

Về con chung: có 01 con chung tên **Lê Phước Minh Đ**, sinh ngày 25/3/2021, bà **P** yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông **P1** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà **Võ Thị Trúc P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Lê Thành P1**, cả bà **P** và ông **P1** đều cư trú trên địa bàn **huyện C**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ

Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Trúc P trình bày do được mai mối, tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2005, nhưng đến năm 2010 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; bà P, ông P1 đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà P khẳng định không còn tình cảm với ông P1, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai có thời gian sống ly thân từ đầu tháng 01/2023 đến nay, vợ chồng không còn chăm lo cho nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P1, nhưng ông P1 không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông. Cho thấy, tình cảm giữa bà P và ông P1 là có mâu thuẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông P1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà P yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà Võ Thị Trúc P xác định tới thời điểm Tòa án xét xử vụ án, giữa bà và ông Lê Thành P1 có 01 con chung tên Lê Phước Minh Đ, sinh ngày 25/3/2021, bà P yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do cháu Đ đến thời điểm xét xử còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, ông P1 cũng không có ý kiến về con chung, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Vì vậy, để đảm bảo cho sự ổn định về cuộc sống, tâm lý của cháu, nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà P, ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà P không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Lê Thành P1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 57, 81, 82, 84, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Võ Thị Trúc P** đối với ông **Lê Thành P1**;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Trúc P** được ly hôn với ông **Lê Thành P1**, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà P, ông P1 không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: bà **Võ Thị Trúc P** và ông **Lê Thành P1** có 01 con chung tên **Lê Phước Minh Đ**, sinh ngày 25/3/2021, giao các con chung cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà **Võ Thị Trúc P** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014177 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 10 năm 2023; Bà **Võ Thị Trúc P** đã nộp đủ án phí.

Ông **Lê Thành P1** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên